

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Sơn Hà, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 6 năm 2026
(nguồn vốn Trung ương)

Kính gửi: Các Trưởng thôn trên địa bàn xã.

Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-BDD về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 6 năm 2026 (nguồn vốn Trung ương) ngày 30/7/2026 của Trưởng Ban đại diện NHCSXH tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ tổng hợp nhu cầu vốn tín dụng chính sách tại các thôn.

Ủy ban nhân dân xã thông báo điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2026 từ nguồn vốn ngân sách Trung ương của các thôn *(theo danh mục đính kèm)*.

Các Trưởng thôn căn cứ Thông báo này để chỉ đạo các Tổ TK&VV trong thôn tổ chức bình xét cho vay và lập hồ sơ vay vốn theo quy định của NHCSXH. Việc bình xét cho vay phải đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng và có sự tham gia giám sát của Trưởng thôn, đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

Yêu cầu các Trưởng thôn nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- PGD NHCSXH Sơn Hà;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Ba

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /8/2026 của Chủ tịch UBND xã Sơn Hà)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số T T	Tên thôn	Điều chỉnh tăng (+)/giảm (-) nguồn vốn Trung ương				
		Cho vay hộ nghèo	Cho vay hộ cận nghèo	Cho vay hộ mới thoát nghèo	Cho vay sản xuất kinh doanh VKK	Cho vay nước sạch vệ sinh MTNT
01	Nước Bung	-4,0	0,0	-27,0	0,0	-8,0
02	Hàng Gòn	-3,0	0,0	0,0	-310,0	-4,0
03	Gò Dếp	0,0	-4,0	-11,5	-300,0	-21,0
04	Di Lang	-12,0	-6,0	-3,0	-100,0	0,0
05	Làng Bò	0,0	0,0	-430	0,0	0,0
06	Cà Đáo	-1,5	-4,0	0,0	0,0	-5,0
07	Làng Dầu	40,0	-3,0	0,0	0,0	37,0
08	Nước Nia	0,0	0,0	-42,5	-41,1	0,0
09	Nước Rạc	0,0	0,0	-58,0	-4,0	0,0
10	Làng Mùng	-55,0	-51,0	0,0	-514,0	33,0
11	Tà Lương	7,0	-55,0	0,0	-1,623,9	-23,0
12	Nước Bao	-86,0	-24,0	0,0	-618,0	-12,0
13	Nước Tang	0,0	0,0	0,0	-317,0	-10,0
14	Tà Pa	-42,0	-20,0	0,0	-568,0	54,5
15	Gò Răng	-36,0	-5,0	0,0	-539,0	-41,0
16	Nước Tầm	-22,0	-9,0	0,0	-522,0	-47,0
17	Làng Vố	-22,0	-12,0	0,0	-405,0	0,0
18	Bờ Reo	-5,0	-50,0	0,0	-517,0	-22,0
TỔNG CỘNG		-241,5	-243,0	-185,0	-6.379,0	-68,5